



Thứ năm, ngày 27 tháng 9 năm 2018

## Vietnam Daily Review

Thị trường hồi phục

### Dự đoán xu hướng thị trường

|                     | Tiêu cực | Trung lập | Tích cực |
|---------------------|----------|-----------|----------|
| Ngày 28/9/2018      |          |           | •        |
| Tuần 24/9-28/9/2018 |          | •         |          |
| Tháng 9/2018        |          | •         |          |

### Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index biến động và tăng nhẹ trong phiên sáng, cải thiện mức tăng ở phiên chiều.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VHM (+1.77 điểm); VNM (+0.91 điểm); BVH (+0.75 điểm); TCB (+0.55 điểm); NVL (+0.48 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VCB (-0.45 điểm); VIC (-0.40 điểm); MSN (-0.36 điểm); BID (-0.26 điểm); CTG (-0.05 điểm)
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu thương mại và chứng khoán, thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 4236 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 7.29 điểm. Thị trường có 174 mã tăng và 120 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 5.76 điểm, đóng cửa tại 1015.37 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 0.5 điểm lên 116.08 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 103.04 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã HPG (52.54 tỷ), SSI (34.02 tỷ) và VRE (23.77 tỷ). Tuy nhiên, họ bán ròng 1.03 tỷ đồng trên sàn HNX.

### Nhận định thị trường

Chỉ số VN-Index biến động và tăng nhẹ trong phiên sáng, dòng tiền tập trung ở nhóm cổ phiếu chứng khoán như SSI, HCM, VND, bluechips như VHM, VNM, HPG, VPB và dầu khí như PVD, PVS. Trong phiên chiều, đà tăng chỉ số trong phiên sáng tiếp tục được cải thiện do dòng tiền tiếp tục tăng mạnh ở nhóm cổ phiếu dầu khí với sự phục hồi của PLX, GAS và mức tăng trần của PVD. Khối ngoại tiếp tục mua ròng trong phiên hôm nay. Trên quan điểm của BSC, thị trường trong trạng thái phục hồi sau 2 phiên điều chỉnh đầu tuần và khả năng sẽ tiếp tục giữ đà tăng trong các phiên sau do thị trường vừa đón nhận thông tin tích cực từ việc Việt Nam đã được thêm vào danh sách theo dõi nâng hạng lên thị trường mới nổi loại 2 của FTSE Russell và mùa công bố quả kinh doanh quý 3 sắp đến gần.

### Phân tích kỹ thuật:

#### VNM\_Tích lũy ngắn hạn

(Vui lòng tải và xem trang 2)

### BSC RESEARCH

#### Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

#### Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

**VN-INDEX 1015.37**

Giá trị: 4236.05 tỷ 5.76 (0.57%)

Khối ngoại (ròng): 103.04 tỷ

**HNX-INDEX 116.08**

Giá trị: 789.93 tỷ 0.5 (0.43%)

Khối ngoại (ròng): -1.03 tỷ

**UPCOM-INDEX 54.19**

Giá trị: 399 tỷ 0.14 (0.26%)

Khối ngoại (ròng): -12.38 tỷ

### Thông số vĩ mô

|                    | Giá trị | %      |
|--------------------|---------|--------|
| Giá dầu            | 72.3    | 1.01%  |
| Giá vàng           | 1,196   | 0.13%  |
| Tỷ giá USD/VND     | 23,345  | 0.06%  |
| Tỷ giá EUR/VND     | 27,323  | -0.31% |
| Tỷ giá JPY/VND     | 20,703  | -0.01% |
| LS liên NH 1 tháng | 0.0%    | 0.00%  |
| LS TPCP 5 năm      | 4.4%    | 0.00%  |

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

### Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

| Top mua | Giá trị | Top bán | Giá trị |
|---------|---------|---------|---------|
| HPG     | 52.5    | VCB     | 46.6    |
| SSI     | 34.0    | VJC     | 27.9    |
| VRE     | 23.8    | VIC     | 23.7    |
| VND     | 13.5    | VNM     | 7.7     |
| GEX     | 9.8     | NAF     | 7.6     |

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường Trang 1

Phân tích kỹ thuật Trang 2

Danh mục khuyến nghị Trang 3

Cổ phiếu lớn Trang 4

Thống kê thị trường Trang 5

Báo cáo mới nhất Trang 6

Khuyến cáo sử dụng Trang 7

## Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

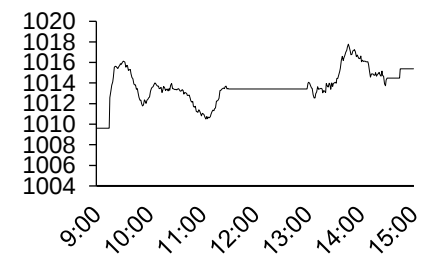
| Mã  | Thanh khoản (tr \$) | Đóng cửa (nghìn) | Hỗ trợ (nghìn) | Kháng cự (nghìn) | Trạng thái | Ghi chú                     |
|-----|---------------------|------------------|----------------|------------------|------------|-----------------------------|
| HPG | 10.1                | 41.6             | 37             | 43               | NGỪNG MUA  | Tăng giá kéo dài            |
| VJC | 8.1                 | 152.6            | 143            | 156              | MUA        | Tăng giá kéo dài            |
| SHB | 7.4                 | 9.0              | 8              | 9                | MUA        | Hồi phục giá trong ngắn hạn |
| PVS | 6.7                 | 23.9             | 21             | 24               | NGỪNG MUA  | Tăng giá kéo dài            |
| VRE | 6.5                 | 41.0             | 37             | 42               | MUA        | Hồi phục giá trong ngắn hạn |
| SSI | 6.3                 | 33.6             | 31             | 34               | MUA MẠNH   | Tăng giá kéo dài            |
| VRE | 6.5                 | 41.0             | 37             | 41               | MUA        | Hồi phục giá trong ngắn hạn |
| VNM | 5.9                 | 138.5            | 122            | 143              | NGỪNG MUA  | Hồi phục giá trong ngắn hạn |
| VCB | 5.9                 | 63.4             | 60             | 64               | NGỪNG MUA  | Tăng giá kéo dài            |
| CTG | 5.8                 | 27.6             | 26             | 28               | NGỪNG MUA  | Tăng giá kéo dài            |

Lê Quốc Trung

[trunglq@bsc.com.vn](mailto:trunglq@bsc.com.vn)

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

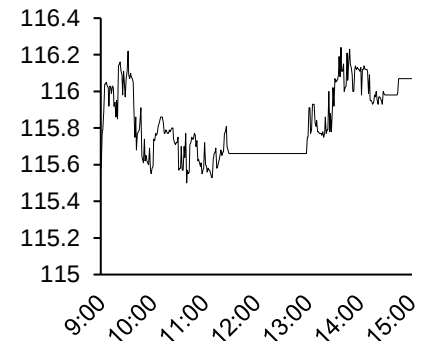
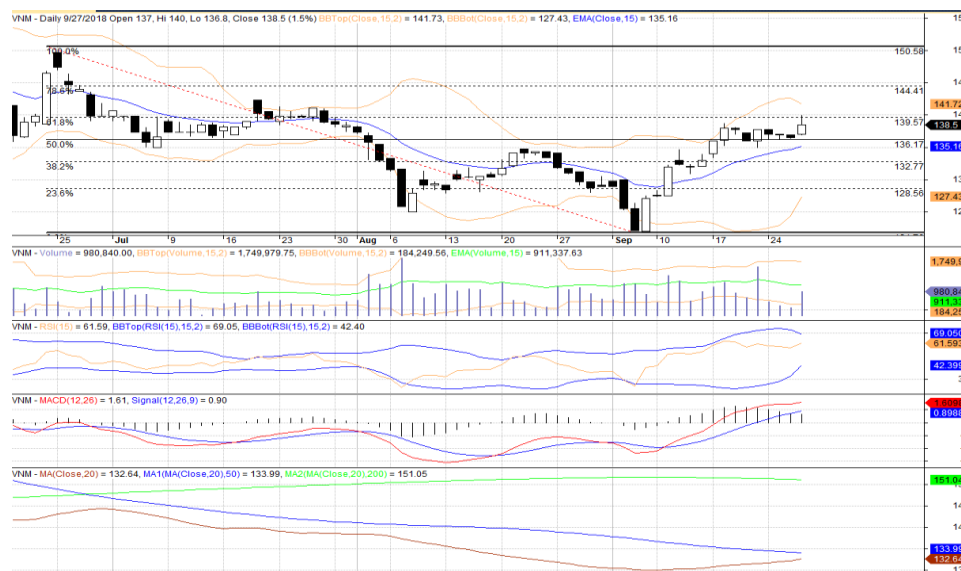
## Phân tích kỹ thuật

### VNM\_Tích lũy ngắn hạn

#### Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ trên đường trung tâm, có thể đi ngang
- Chỉ báo RSI: Tiếp cận vùng quá mua.
- Đường MA: Đường MA 20 đang tiến sát MA50, cả 2 đường này nằm dưới MA 200.

**Nhận định:** Cổ phiếu VNM đang trong giai đoạn tích lũy ngắn hạn khi nhằm kiểm tra ngưỡng hỗ trợ 136. Hiện tại, thanh khoản đang ở mức trung bình với một giai đoạn tích lũy từ phiên 18/09. Chỉ số RSI tiếp cận vùng quá mua, có thể sẽ điều chỉnh nhẹ trong những phiên tích lũy tới. Xu hướng các đường MACD cho thấy cổ phiếu đang ở gần cuối giai đoạn hồi phục ngắn hạn, sẽ tích lũy trong các phiên tới để hình thành xu thế đột phá. Các đường MA cũng xác nhận xu hướng hồi phục với độ dốc đường MA 20 không cao, báo hiệu còn có thể tăng trưởng trong trung hạn. Như vậy, cổ phiếu tích lũy quanh ngưỡng ngưỡng 136-139 để tiến tới trở về mức giá 150. Nếu đột phá thành công, cổ phiếu có thể tiến về chạm ngưỡng kháng cự lớn là 160.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

#### Hợp đồng tương lai

| Ticker    | Đóng  | ± Ngày | ± KLGD |
|-----------|-------|--------|--------|
| VN30F1810 | 985.8 | 0.5%   | 20.9%  |
| VN30F1811 | 985.3 | 0.4%   | 16.3%  |
| VN30F1812 | 985.0 | 0.3%   | -50.9% |
| VN30F1903 | 984.3 | 0.2%   | -26.0% |

Bảng 2

#### Top tăng điểm VN30

| CK  | Giá | ± giá (%) | Index pt |
|-----|-----|-----------|----------|
| VNM | 139 | 1.5       | 1.3      |
| HPG | 42  | 1.3       | 1.2      |
| MWG | 128 | 2.4       | 1.1      |
| NVL | 67  | 2.6       | 0.9      |
| VPB | 26  | 1.0       | 0.6      |

#### Top giảm điểm VN30

| CK  | Giá | ± giá (%) | Index pt |
|-----|-----|-----------|----------|
| MSN | 93  | -1        | -0.7     |
| VIC | 99  | 0         | -0.3     |
| VCB | 63  | -1        | -0.2     |
| STB | 13  | 0         | -0.1     |
| HSG | 13  | -1        | -0.1     |

## Danh mục khuyến nghị

### Danh mục ngắn hạn

| TT                | Mã  | Ngày mua  | Giá mua | Giá hiện tại | Hiệu suất tổng | Dừng lỗ | Mục tiêu |
|-------------------|-----|-----------|---------|--------------|----------------|---------|----------|
| 1                 | REE | 20/7/2018 | 32.70   | 37.05        | 13.3%          | 30.1    | 37.6     |
| 2                 | HT1 | 22/8/2018 | 12.60   | 15.20        | 20.6%          | 11.6    | 14.5     |
| 3                 | HBC | 26/9/2018 | 25.20   | 25.15        | -0.2%          | 23.2    | 29.0     |
| <b>Trung bình</b> |     |           |         |              | <b>11.2%</b>   |         |          |

Nguồn: BSC Research

### Danh mục CANSLIM

| TT                | Mã  | Ngày mua   | Giá mua | Giá hiện tại | Hiệu suất tổng | Dừng lỗ | Mục tiêu |
|-------------------|-----|------------|---------|--------------|----------------|---------|----------|
| 1                 | MBB | 27/4/2015  | 13.8    | 23.00        | 66.7%          | 34.4    | 37.1     |
| 2                 | HPG | 28/10/2016 | 25.5    | 41.55        | 63.1%          | 24.2    | 43.5     |
| 3                 | HCM | 18/09/2017 | 41.9    | 68.20        | 62.8%          | 39.8    | 60.0     |
| 4                 | GEX | 2/4/2018   | 29.4    | 29.00        | -1.4%          | 27.9    | 40.0     |
| <b>Trung bình</b> |     |            |         |              | <b>47.8%</b>   |         |          |

Nguồn: BSC Research

### Danh mục cơ bản

| TT                | Mã  | Ngày mua   | Giá mua | Giá hiện tại | Hiệu suất tổng | Dừng lỗ | Mục tiêu |
|-------------------|-----|------------|---------|--------------|----------------|---------|----------|
| 1                 | PVT | 23/06/2016 | 11.1    | 18.7         | 68.5%          | 17.0    | 22.7     |
| 2                 | ACB | 2/2/2018   | 32.4    | 33.9         | 4.6%           | 30.8    | 45.0     |
| 3                 | PNJ | 21/08/2018 | 105.0   | 102.8        | -2.1%          | 95.0    | 125.0    |
| <b>Trung bình</b> |     |            |         |              | <b>23.7%</b>   |         |          |

Nguồn: BSC Research

| Mã  | Ngành             | Đóng cửa<br>(nghìn VND) | % Ngày | Beta | Vốn hóa<br>(Triệu USD) | Thanh khoản<br>(triệu USD) | EPS<br>(VND) | P/E  | P/B  | NN sở hữu | ROE   |       |
|-----|-------------------|-------------------------|--------|------|------------------------|----------------------------|--------------|------|------|-----------|-------|-------|
| MWG | Bán lẻ            | 128.0                   | 2.4%   | 0.6  | 1,797                  | 4.2                        | 8,472        | 15.1 | 5.5  | 49.0%     | 43.9% |       |
| PNJ | Bán lẻ            | 102.8                   | 0.3%   | 0.9  | 725                    | 1.2                        | 5,110        | 20.1 | 5.0  | 49.0%     | 33.9% |       |
| BVH | Bảo hiểm          | 98.4                    | 3.6%   | 1.5  | 2,999                  | 0.4                        | 1,831        | 53.8 | 4.5  | 24.8%     | 8.5%  |       |
| PVI | Bảo hiểm          | 33.3                    | 0.9%   | 0.8  | 335                    | 0.1                        | 1,984        | 16.8 | 1.1  | 43.9%     | 7.7%  |       |
| VIC | Bất động sản      | 98.6                    | -0.4%  | 1.1  | 13,682                 | 2.1                        | 1,292        | 76.3 | 7.0  | 7.5%      | 11.2% |       |
| VRE | Bất động sản      | 41.0                    | 0.6%   | 1.1  | 3,389                  | 6.5                        | 791          | 51.8 | 3.0  | 31.3%     | 5.7%  |       |
| NVL | Bất động sản      | 66.5                    | 2.6%   | 0.8  | 2,624                  | 1.9                        | 2,534        | 26.2 | 4.3  | 8.3%      | 18.7% |       |
| REE | Bất động sản      | 37.1                    | -0.4%  | 1.0  | 499                    | 1.6                        | 5,319        | 7.0  | 1.4  | 49.0%     | 20.9% |       |
| DXG | Bất động sản      | 30.5                    | 2.7%   | 1.5  | 464                    | 5.0                        | 2,870        | 10.6 | 2.5  | 47.2%     | 26.2% |       |
| SSI | Chứng khoán       | 33.6                    | 1.8%   | 1.3  | 730                    | 6.3                        | 2,585        | 13.0 | 1.8  | 56.1%     | 14.4% |       |
| VCI | Chứng khoán       | 64.1                    | 0.2%   | 1.0  | 454                    | 0.5                        | 4,289        | 14.9 | 3.4  | 40.7%     | 30.5% |       |
| HCM | Chứng khoán       | 68.2                    | 2.4%   | 1.3  | 384                    | 1.0                        | 6,129        | 11.1 | 3.0  | 61.2%     | 29.3% |       |
| FPT | Công nghệ         | 46.2                    | 0.3%   | 0.9  | 1,232                  | 1.5                        | 5,094        | 9.1  | 2.4  | 49.0%     | 28.6% |       |
| FOX | Công nghệ         | 52.5                    | 1.0%   | 0.4  | 516                    | 0.0                        | 3,453        | 15.2 | 3.9  | 0.2%      | 26.5% |       |
| GAS | Dầu khí           | 117.2                   | 0.1%   | 1.6  | 9,753                  | 2.0                        | 5,796        | 20.2 | 5.2  | 3.6%      | 27.4% |       |
| PLX | Dầu khí           | 72.1                    | 0.1%   | 1.5  | 3,633                  | 2.5                        | 3,254        | 22.2 | 4.4  | 11.0%     | 18.3% |       |
| PVS | Dầu khí           | 23.9                    | 3.0%   | 1.8  | 464                    | 6.7                        | 1,620        | 14.8 | 1.0  | 20.1%     | 6.8%  |       |
| BSR | Dầu khí           | 20.9                    | 2.5%   | 0.8  | 2,817                  | 3.9                        | #N/A         | N/A  | #N/A | N/A       | 38.9% | 23.0% |
| DHG | Dược              | 101.0                   | 2.0%   | 0.5  | 574                    | 2.0                        | 4,035        | 25.0 | 4.5  | 47.2%     | 18.4% |       |
| DPM | Hóa chất          | 19.6                    | 0.3%   | 1.0  | 333                    | 0.6                        | 1,444        | 13.5 | 1.0  | 20.3%     | 8.0%  |       |
| DCM | Hóa chất          | 11.3                    | 0.0%   | 0.6  | 260                    | 0.7                        | 790          | 14.3 | 0.9  | 4.0%      | 6.6%  |       |
| VCB | Ngân hàng         | 63.4                    | -0.6%  | 1.4  | 9,917                  | 5.9                        | 3,140        | 20.2 | 3.9  | 20.9%     | 20.5% |       |
| BID | Ngân hàng         | 34.7                    | -0.7%  | 1.7  | 5,150                  | 3.1                        | 2,329        | 14.9 | 2.4  | 2.5%      | 16.7% |       |
| CTG | Ngân hàng         | 27.6                    | -0.2%  | 1.6  | 4,468                  | 5.8                        | 2,085        | 13.2 | 1.5  | 30.0%     | 12.2% |       |
| VPB | Ngân hàng         | 26.3                    | 1.0%   | 1.2  | 2,804                  | 3.7                        | 2,663        | 9.9  | 2.3  | 23.5%     | 26.9% |       |
| MBB | Ngân hàng         | 23.0                    | 0.0%   | 1.3  | 2,160                  | 4.4                        | 2,113        | 10.9 | 1.7  | 20.0%     | 16.3% |       |
| ACB | Ngân hàng         | 33.9                    | 0.0%   | 1.2  | 1,838                  | 4.3                        | 2,887        | 11.7 | 2.3  | 30.0%     | 21.7% |       |
| BMP | Nhựa              | 63.9                    | 0.2%   | 0.8  | 227                    | 0.6                        | 5,642        | 11.3 | 2.2  | 75.6%     | 19.6% |       |
| NTP | Nhựa              | 49.5                    | -1.0%  | 0.4  | 192                    | 0.0                        | 4,932        | 10.0 | 2.1  | 23.1%     | 22.0% |       |
| MSR | Tài nguyên        | 22.3                    | -0.4%  | 1.3  | 872                    | 0.0                        | 229          | 97.5 | 1.8  | 2.1%      | 1.8%  |       |
| HPG | Thép              | 41.6                    | 1.3%   | 0.9  | 3,837                  | 10.1                       | 4,210        | 9.9  | 2.4  | 39.1%     | 30.1% |       |
| HSG | Thép              | 12.7                    | -1.2%  | 1.4  | 212                    | 2.3                        | 1,861        | 6.8  | 0.9  | 19.8%     | 14.0% |       |
| VNM | Tiêu dùng         | 138.5                   | 1.5%   | 0.6  | 10,486                 | 5.9                        | 5,065        | 27.3 | 9.3  | 51.0%     | 34.9% |       |
| SAB | Tiêu dùng         | 220.0                   | 0.5%   | 0.8  | 6,134                  | 0.3                        | 7,082        | 31.1 | 9.0  | 9.7%      | 31.2% |       |
| MSN | Tiêu dùng         | 92.5                    | -1.1%  | 1.1  | 4,236                  | 1.8                        | 5,370        | 17.2 | 5.7  | 28.7%     | 32.2% |       |
| SBT | Tiêu dùng         | 21.5                    | -0.2%  | 0.8  | 462                    | 1.6                        | 1,053        | 20.4 | 1.7  | 8.5%      | 11.1% |       |
| ACV | Vận tải           | 86.5                    | -0.6%  | 0.8  | 8,188                  | 0.2                        | 1,883        | 45.9 | 6.9  | 3.6%      | 15.9% |       |
| VJC | Vận tải           | 152.6                   | 0.3%   | 1.1  | 3,593                  | 8.1                        | 9,463        | 16.1 | 7.8  | 24.6%     | 67.1% |       |
| HVN | Vận tải           | 40.7                    | -0.2%  | 1.7  | 2,212                  | 2.3                        | 1,727        | 23.6 | 3.3  | 9.2%      | 14.6% |       |
| GMD | Vận tải           | 27.4                    | -0.5%  | 0.9  | 353                    | 1.1                        | 6,218        | 4.4  | 1.3  | 20.4%     | 30.1% |       |
| PVT | Vận tải           | 18.7                    | 0.5%   | 0.8  | 229                    | 0.3                        | 2,168        | 8.6  | 1.4  | 34.3%     | 17.2% |       |
| VCS | Vật liệu xây dựng | 95.7                    | -1.6%  | 1.0  | 666                    | 1.3                        | 5,657        | 16.9 | 5.7  | 2.6%      | 46.4% |       |
| VGC | Vật liệu xây dựng | 19.5                    | 0.0%   | 0.9  | 380                    | 1.5                        | 1,309        | 14.9 | 1.3  | 25.2%     | 9.0%  |       |
| HT1 | Vật liệu xây dựng | 15.2                    | 1.3%   | 0.6  | 252                    | 0.6                        | 1,537        | 9.9  | 1.1  | 4.8%      | 10.9% |       |
| CTD | Xây dựng          | 168.3                   | 1.4%   | 0.8  | 573                    | 1.3                        | 20,360       | 8.3  | 1.7  | 43.8%     | 22.5% |       |
| VCG | Xây dựng          | 19.3                    | 0.5%   | 1.4  | 371                    | 2.3                        | 2,715        | 7.1  | 1.3  | 10.5%     | 19.2% |       |
| CII | Xây dựng          | 26.5                    | -0.2%  | 0.6  | 282                    | 0.8                        | (39)         | #N/A | N/A  | 1.3       | 55.5% | -0.2% |
| POW | Điện              | 16.2                    | 1.3%   | 0.6  | 1,649                  | 1.5                        | 1,026        | 15.8 | 1.4  | 70.3%     | 9.1%  |       |
| NT2 | Điện              | 26.4                    | -0.4%  | 0.7  | 330                    | 0.2                        | 2,912        | 9.0  | 2.1  | 21.4%     | 19.5% |       |

## Thống kê thị trường

### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

| CK  | Giá    | %    | Index pt | KLGD      |
|-----|--------|------|----------|-----------|
| VHM | 104.00 | 2.06 | 1.77     | 525990.00 |
| VNM | 138.50 | 1.47 | 0.91     | 980840.00 |
| BVH | 98.40  | 3.58 | 0.75     | 101430.00 |
| TCB | 29.40  | 1.73 | 0.55     | 3.66MLN   |
| NVL | 66.50  | 2.62 | 0.49     | 670940.00 |

### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|-------|----------|-----------|
| VCB | 63.40 | -0.63 | -0.45    | 2.12MLN   |
| VIC | 98.60 | -0.40 | -0.40    | 497460.00 |
| MSN | 92.50 | -1.07 | -0.37    | 442950.00 |
| BID | 34.65 | -0.72 | -0.27    | 2.07MLN   |
| CTG | 27.60 | -0.18 | -0.06    | 4.77MLN   |

### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

| CK  | Giá   | %    | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|------|----------|-----------|
| SVI | 48.15 | 7.00 | 0.01     | 122300.00 |
| HVG | 6.43  | 6.99 | 0.03     | 1.27MLN   |
| VPH | 7.99  | 6.96 | 0.01     | 345880.00 |
| BRC | 9.84  | 6.96 | 0.00     | 60.00     |
| APC | 35.40 | 6.95 | 0.01     | 280850.00 |

### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD    |
|-----|-------|-------|----------|---------|
| LBM | 29.80 | -6.88 | -0.01    | 1560.00 |
| VAF | 10.25 | -6.82 | -0.01    | 50.00   |
| DTT | 12.50 | -6.72 | 0.00     | 210.00  |
| SMA | 11.40 | -6.56 | -0.01    | 10.00   |
| LAF | 6.40  | -5.88 | 0.00     | 5150.00 |

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

| CK  | Giá    | %    | Index pt | KLGD      |
|-----|--------|------|----------|-----------|
| SHB | 9.00   | 2.27 | 0.21     | 19.01MLN  |
| PVS | 23.90  | 3.02 | 0.16     | 6.59MLN   |
| NDN | 15.80  | 8.22 | 0.05     | 928200.00 |
| SHS | 17.00  | 2.41 | 0.04     | 2.19MLN   |
| TV2 | 143.00 | 5.22 | 0.04     | 95300.00  |

### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|-------|----------|-----------|
| VCS | 95.70 | -1.64 | -0.05    | 311900.00 |
| TNG | 17.60 | -5.88 | -0.04    | 1.74MLN   |
| CDN | 15.20 | -7.88 | -0.02    | 700.00    |
| CEO | 14.00 | -1.41 | -0.02    | 909100.00 |
| PMC | 63.90 | -4.63 | -0.02    | 1000.00   |

### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

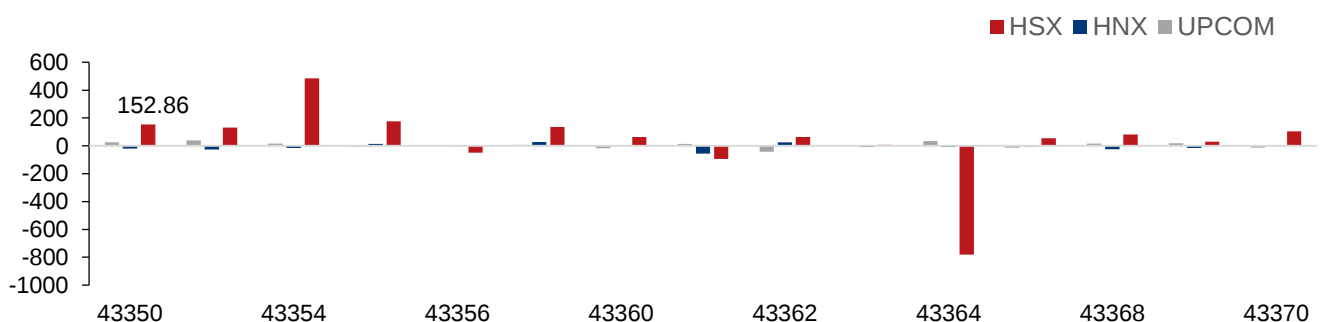
| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|-------|----------|-----------|
| PVV | 0.80  | 14.29 | 0.00     | 194700.00 |
| DPS | 1.00  | 11.11 | 0.00     | 586600.00 |
| BTS | 5.50  | 10.00 | 0.01     | 17500.00  |
| NST | 12.10 | 10.00 | 0.00     | 100.00    |
| MIM | 15.60 | 9.86  | 0.00     | 100.00    |

### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

| CK  | Giá  | %      | Index pt | KLGD     |
|-----|------|--------|----------|----------|
| DZM | 1.80 | -10.00 | 0.00     | 9300.00  |
| L18 | 9.10 | -9.90  | 0.00     | 31100.00 |
| PBP | 4.60 | -9.80  | 0.00     | 10100.00 |
| SCJ | 9.30 | -9.71  | -0.01    | 100.00   |
| TTL | 5.80 | -9.38  | 0.00     | 500.00   |

Hình 3

### Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

## Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

| STT | Tên báo cáo                                  | Loại báo cáo    | Mã cổ phiếu liên quan | Link tải báo cáo      | Link dự phòng |
|-----|----------------------------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
| 1   | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018         | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 2   | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018         | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 3   | Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II  | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 4   |                                              | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 5   | Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 6   | Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm             | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 7   | Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11         | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 8   | Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng               | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 9   | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01        | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 10  | BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018     | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 11  | BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1     | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 12  | BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2    | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 13  | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017         | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 14  | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017         | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 15  | BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ  | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 16  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09        | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 17  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08        | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 18  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07        | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 19  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M06        | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 20  | BSC_Vietnam Sector_VN_Ngành cao su           | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |

## Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

| STT | Mã  | Ngành        | Khuyến nghị | Ngày ra báo cáo | Giá ngày ra báo cáo | Giá mục tiêu | Giá hiện tại | EPS    | P/E         | P/B | Link tải báo cáo      | Link dự phòng |
|-----|-----|--------------|-------------|-----------------|---------------------|--------------|--------------|--------|-------------|-----|-----------------------|---------------|
| 1   | CSM | Cao su       | Nắm giữ     | 14/03/2018      | 14.7                | 17.0         | 14.9         | 170    | 87.8        | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 2   | NT2 | Điện         | Nắm giữ     | 3/12/2018       | 29.3                | 30.2         | 26.4         | 2,912  | 9.0         | 2.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 3   | EIB | Ngân hàng    | Mua         | 3/12/2018       | 15.0                | 17.3         | 14.0         | 1,003  | 14.0        | 1.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 4   | VIS | Thép         | Theo dõi    | 13/03/2018      | 34.7                | 43.0         | 28.0         | -831   | #N/A<br>N/A | 2.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 5   | ACB | Ngân hàng    | Mua         | 3/12/2018       | 46.8                | 55.8         | 33.9         | 2,887  | 11.7        | 2.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 6   | VSC | Vận tải      | Nắm giữ     | 3/8/2018        | 42.1                | 45.4         | 41.9         | 5,570  | 7.5         | 1.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 7   | DIG | Bất động sản | Mua         | 3/8/2018        | 27.3                | 36.6         | 18.1         | 1,035  | 17.4        | 1.6 | <a href="#">Click</a> |               |
| 8   | PVT | Vận tải      | Nắm giữ     | 3/5/2018        | 18.0                | 20.2         | 18.7         | 2,168  | 8.6         | 1.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 9   | HPG | Thép         | Mua         | 3/1/2018        | 66.7                | 79.3         | 41.6         | 4,210  | 9.9         | 2.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 10  | DXG | Bất động sản | Mua<br>mạnh | 2/12/2018       | 28.2                | 40.0         | 30.5         | 2,870  | 10.6        | 2.5 | <a href="#">Click</a> |               |
| 11  | TNG | Dệt may      | Mua         | 16/01/2018      | 15.5                | 18.1         | 17.6         | 2,847  | 6.2         | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 12  | CSV | Cao su       | Mua         | 12/6/2017       | 34.3                | 42.0         | 36.8         | 5,765  | 6.4         | 2.0 | <a href="#">Click</a> |               |
| 13  | FPT | Công nghệ    | Mua         | 15/11/2017      | 56.9                | 70.2         | 46.2         | 5,094  | 9.1         | 2.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 14  | VCB | Ngân hàng    | Nắm giữ     | 13/11/2017      | 43.1                | 45.0         | 63.4         | 3,140  | 20.2        | 3.9 | <a href="#">Click</a> |               |
| 15  | PVS | Dầu khí      | Mua         | 11/8/2017       | 16.1                | 17.5         | 23.9         | 1,620  | 14.8        | 1.0 | <a href="#">Click</a> |               |
| 16  | MBB | Ngân hàng    | Mua         | 11/3/2017       | 22.6                | 26.0         | 23.0         | 2,113  | 10.9        | 1.7 | <a href="#">Click</a> |               |
| 17  | CTD | Xây dựng     | Mua         | 11/3/2017       | 225.0               | 254.3        | 168.3        | 20,360 | 8.3         | 1.7 | <a href="#">Click</a> |               |
| 18  | HAG | Nông nghiệp  | Mua         | 11/2/2017       | 8.0                 | 14.6         | 6.2          | -697   | #N/A        | 0.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 19  | RAL | Tiêu dùng    | Mua         | 24/10/2017      | 134.1               | 167.5        | 104.5        | 18,378 | 5.7         | 1.7 | <a href="#">Click</a> |               |
| 20  | PNJ | Bán lẻ       | Mua         | 23/10/2017      | 109.0               | 132.0        | 102.8        | 5,110  | 20.1        | 5.0 | <a href="#">Click</a> |               |

## Khuyến cáo sử dụng

*Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.*

### **BSC Trụ sở chính**

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

### **BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

